

Số: 45/2026/QĐST-DS

Hung Hà, ngày 26 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18/8/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 157/2026/TLST- DS, ngày 28 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH C.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô B, KCN B, phường L, thành phố Đ.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Đức T - Chức vụ tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Vũ Phương H, sinh năm 2002; ông Nguyễn Viết N, sinh năm 2003 và bà Nguyễn Minh T1, sinh năm 1997 đều ở địa chỉ: Tòa nhà F, số A P, phường T, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn:

2.1. ông Trần Thanh S, sinh năm 1967

2.2. bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972

Địa chỉ: thôn V, xã D, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Các đương sự đều thống nhất: tính đến ngày 18/8/2026, ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị H1 còn nợ công ty TNHH C số tiền là 105.156.467 đồng tiền mua cám chưa thanh toán (tính đến hết ngày 18/8/2026) và số tiền lãi chậm trả từ ngày 01/7/2024 đến ngày 18/8/2026 số tiền là 57.117.683 đồng.

2.2. Các đương sự thống nhất phương án trả nợ như sau:

1. Ông **Trần Thanh S** và bà **Nguyễn Thị H1** phải trả cho **công ty TNHH C** mỗi tháng là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền nợ gốc kể từ tháng 8 năm 2026 vào ngày 22 đến ngày 25 hàng tháng đến khi ông **S** và bà **H1** thực tế trả hết số tiền 105.156.467 đồng. **Công ty TNHH C** miễn số tiền lãi chậm trả cho ông **S** và bà **H1** từ ngày 01/7/2024 đến ngày 18/8/2026 đối với số tiền 57.117.683 đồng nếu ông **S** và bà **H1** thực hiện đầy đủ các kỳ trả nợ gốc nêu trên.

2. Trường hợp ông **Trần Thanh S** và bà **Nguyễn Thị H1** vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ gốc nào theo mục 1 nêu trên cho **công ty TNHH C** thì ông **S** và bà **H1** phải trả tiền lãi chậm trả cho **công ty TNHH C** số tiền là 57.117.683 đồng (Năm mươi bảy triệu một trăm mười bảy nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng); ông **S** và bà **H1** phải trả toàn bộ trả số tiền nợ gốc không theo kỳ trả nợ nêu tại mục 1.

Ông **S** và bà **H1** phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi chậm trả là 1%/tháng đối với số tiền chưa trả cho **công ty TNHH C** kể từ ngày Công ty có đơn yêu cầu thi hành án đến khi ông **S** và bà **H1** thực tế trả hết số tiền 105.156.467 đồng cho công ty.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

2.2. Về án phí: ông **Trần Thanh S** và bà **Nguyễn Thị H1** tự nguyện nộp cả số tiền án phí có giá ngạch là 2.628.911 đồng, làm tròn số thành 2.629.000 (Hai triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng). Trả lại cho **Công ty TNHH C** số tiền 6.807.000 đồng (Sáu triệu tám trăm linh bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí **Công ty TNHH C** đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002838, ngày 28/5/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND KV8 - Hưng Yên;
- Phòng THADS KV 8 - Hưng Yên;
- Lưu HC-TP.

THẨM PHÁN**Nguyễn Bích Thủy**